

Về con: Vợ chồng có 01 con nuôi chung tên là Mã Thị Hồng X, sinh ngày 26/6/2004. Hiện tại cháu X đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn, cháu X có nguyện vọng ở với ai là do cháu tự quyết định.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung, cụ thể gồm:

- Nhà ở xây dựng trên đất của bố mẹ chồng: Nhà mái bằng, tổng diện tích xây dựng khoảng 50m², trị giá 110.000.000đ;
- Tiền gửi về đào ao: 70.000.000đ;
- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 1.140m² trị giá khoảng 20.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Chị đề nghị giao ngôi nhà cho anh T sở hữu, anh T có trách nhiệm giao lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị là 90.000.000đ. Về diện tích đất nông nghiệp, chị C đề nghị được nhận lại 570m² đất để canh tác.

Đối với bị đơn Mã Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Văn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh T và ông L, nhưng anh T và ông L cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/4/2019, chị C có đơn đề nghị thẩm định và định giá tài sản chung của vợ chồng.

Ngày 25/4/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tiến hành định giá các tài sản theo yêu cầu của chị C theo quy định.

Kết quả thẩm định và định giá xác định:

- 01 Nhà mái bằng: $61,2\text{m}^2 \times 2.535.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 60\% = 93.085.000\text{đ}$;
- 01 nhà bếp lợp ngói: $20,24\text{m}^2 \times 1.075.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 25\% = 5.439.500\text{đ}$;
- Sân: $60,17\text{m}^2 \times 40.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 25\% = 601.700\text{đ}$;
- Tường xây bằng gạch đỏ: $17,16\text{m}^2 \times 210.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 25\% = 900.900\text{đ}$;
- Bể nước: $1,47\text{m}^3 \times 1.732.000\text{đ}/\text{m}^3 \times 25\% = 636.510\text{đ}$;
- Đất bồi nền: $60,17\text{m}^3 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^3 = 3.309.350\text{đ}$.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 103.972.960đ (Một trăm lẻ ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019, bị đơn anh Mã Văn T trình bày: Về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở kết hôn như chị C trình bày là đúng. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, không xảy ra mâu thuẫn, cãi vã gì. Trong thời gian vợ chồng đi làm ăn trong Đà Lạt, chị C có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh có khuyên bảo nhưng chị C không nghe nên anh và con về quê sinh sống còn chị C tiếp tục ở lại Đà Lạt. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, chị C không liên lạc về cho anh và con. Nay chị C đề nghị ly hôn, anh không đồng ý vì anh không có đánh chửi gì chị C, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Về con: Vợ chồng có 01 con nuôi chung tên là Mã Thị Hồng X, sinh ngày 26/6/2004. Hiện tại cháu X đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu X và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản là nhà mái bằng và các công trình phụ khác xây dựng trên đất của bố mẹ anh. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.140m² tại thôn 6

Thanh Lãng, xã T, huyện S, Thanh Hóa. Số tiền 70.000.000đ chị C khai gửi về đào ao là không đúng. Vợ chồng đi làm ăn trong Đà Lạt gửi về cho bố mẹ anh để đào ao là 30.000.000đ, nhưng sau đó anh bị tai nạn nên đã dùng số tiền đó để làm chân cho anh và chi phí sinh hoạt cho hai bố con. Nếu phải ly hôn, anh không có nguyện vọng nhận hiện vật là nhà ở nhưng anh cũng không nhất trí trả lại tiền chênh lệch cho chị C. Về diện tích đất nông nghiệp và số tiền 30.000.000đ, anh không yêu cầu giải quyết

Ngày 13/6/2019, anh T có đơn đề nghị yêu cầu chị C có trách nhiệm cùng anh nuôi con ăn, học khi chị C vắng nhà trong 06 năm (từ năm 2012 đến năm 2019) là 98.800.000đ (Chín mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền này anh đang phải vay để nuôi con ăn học.

Tại biên bản làm việc ngày 21/3/2019, ông Mã Văn L trình bày: Anh T và chị C có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà mái bằng và công trình phụ xây dựng trên diện tích đất ông là chủ sở hữu nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện đang trồng lúa và 30.000.000đ vợ chồng gửi về cho ông để đào ao. Nếu vợ chồng anh T ly hôn, số tiền ông phụ vào làm nhà cùng anh chị, ông không yêu cầu anh chị trả và ông có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng 30.000.000đ tiền vợ chồng gửi về cho ông để đào ao. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019, ông Mã Văn L trình bày: nếu anh T và chị C ly hôn, ông yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả lại cho ông 20.000.000đ tiền ông bỏ ra mua nguyên vật liệu khi xây nhà và 15.000.000đ tiền công sức ông đóng góp trong quá trình xây nhà. Mọi tài sản nằm trên đất của ông, anh T và chị C không có quyền phân chia.

Ngày 07/6/2019, chị C có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung là số tiền 70.000.000đ và diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Chị chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là nhà mái bằng và công trình xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ chồng tại thôn 6 Thanh Lãng, xã T, huyện S, Thanh Hóa.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn anh T; Về con: Chị đề nghị giao cháu Mã Thị Hồng X cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; Về tài sản chị đề nghị giao 01 nhà mái bằng và các công trình xây dựng trên đất của ông L cho anh T trực tiếp quản lý, sử dụng, anh T có trách nhiệm trả lại số tiền chênh lệch 50% giá trị tài sản chung cho chị.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Chị Mã Thị C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa chị và anh Mã Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 10/7/2019, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, bị đơn anh Mã Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Văn L vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T và ông L vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử lần hai vắng mặt anh T và ông L.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Mã Thị C và anh Mã Văn T kết hôn với nhau vào ngày 20/01/1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn theo chị C trình bày thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Đối với ý kiến anh T thì vợ chồng chung sống bình thường, không xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên anh T có trình bày, trong thời gian vợ chồng đi làm ăn tại Đà Lạt, chị C có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Anh có khuyên chị C về quê nhưng chị không nghe nên anh đã đưa con về quê, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, chị C không quan tâm, liên lạc về cho anh và con. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh T vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nhưng anh không có động thái gì để níu kéo hạnh phúc gia đình, không có thiện chí bàn bạc để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau. Như vậy, chứng tỏ anh T cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn hôn nhân, níu kéo tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2019, trường thôn 6, Thanh Lãng xã Nga Thạch cho biết: Sau khi kết hôn, anh T và chị C đi làm ăn trong miền Nam được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, anh T đưa con về quê sinh sống, chị C vẫn ở lại làm ăn một thời gian sau chị C về làm thủ tục ly hôn. Hiện tại anh T và chị C đã ly thân. HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Chị C và anh T có 01 con nuôi chung là Mã Thị Hồng X, sinh ngày 26/6/2004. Xét thấy, hiện nay cháu X đang ở với bố, nguyện vọng của anh T là yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng và đề nghị của chị C là giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, nguyện vọng của cháu X là muốn ở với bố nên cần xử giao cháu X cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[3] Về tài sản:

* Xét yêu cầu của các đương sự: Anh T, chị C và ông L đều thống nhất những tài sản chung của vợ chồng như Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Về

giá trị các tài sản đã được Hội đồng định giá định giá ngày 25/4/2019, anh T và chị C và ông L không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị C có đơn xin rút một phần yêu cầu về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 70.000.000đ và diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Xét việc rút yêu cầu của chị C là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về phần tài sản trên.

Anh T có đơn đề nghị yêu cầu chị C có trách nhiệm cùng anh nuôi con ăn, học khi chị C vắng nhà trong 06 năm (từ năm 2012 đến năm 2019) là 98.800.000đ (Chín mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền này anh T đang phải vay để nuôi con ăn học. Ngày 30/5/2019, tại biên bản lấy lời khai. Ông L yêu cầu vợ chồng anh T, chị C phải trả lại cho ông 20.000.000đ tiền ông bỏ ra mua nguyên vật liệu khi xây nhà và 15.000.000đ tiền công sức ông đóng góp trong quá trình xây nhà. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh T và ông L cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng hết thời hạn theo yêu cầu, anh T và ông L không cung cấp được nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của anh T và ông L. Giành quyền khởi kiện dân sự cho anh Mã Văn T và ông Mã Văn L bằng vụ án khác khi có yêu cầu và căn cứ chứng minh.

* Số tài sản chung của vợ chồng còn lại chị C yêu cầu chia gồm:

- 01 Nhà mái bằng: $61,2m^2 \times 2.535.000đ/m^2 \times 60\% = 93.085.000đ$;
- 01 nhà bếp lợp ngói: $20,24 m^2 \times 1.075.000đ/m^2 \times 25\% = 5.439.500đ$;
- Sân: $60,17m^2 \times 40.000đ/m^2 \times 25\% = 601.700đ$;
- Tường xây bằng gạch đỏ: $17,16m^2 \times 210.000đ/m^2 \times 25\% = 900.900đ$;
- Bể nước: $1,47m^3 \times 1.732.000đ/m^3 \times 25\% = 636.510đ$;
- Đất bồi nền: $60,17m^3 \times 55.000đ/m^3 = 3.309.350đ$.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 103.972.960đ (Một trăm lẻ ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Các đương sự đều thừa nhận các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng anh T, chị C nên anh T và chị C đều được hưởng. Hiện nay anh T đang trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản đó. Hơn nữa, các tài sản đó vẫn nằm trên diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông L đang quản lý, sử dụng. Mặt khác, chị C không có yêu cầu nhận tài sản là hiện vật mà chỉ yêu cầu nhận giá trị tài sản. Vì vậy, cần giao toàn bộ các tài sản trên đất với tổng giá trị 103.972.960đ (Một trăm lẻ ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng) cho anh T quản lý, sử dụng. Anh T có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị C là 51.986.000đ (Năm mươi một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

[5] Về án phí: Chị Mã Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định.

Chị C và anh T, mỗi người phải chịu án phí DSST(5%) đối với phần tài sản được chia theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mã Thị C. Cho chị Mã Thị C được ly hôn anh Mã Văn T.

2. Về con: Giao cháu Mã Thị Hồng X, sinh ngày 26/6/2004 cho anh Mã Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Mã Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Chị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Giao anh Mã Văn T quyền quản lý, sử dụng đối các tài sản gồm: 01 Nhà mái bằng 61,2m²; 01 nhà bếp lợp ngói 20,24 m²; Sân 60,17m²; Tường xây bằng gạch đỏ 17,16m²; Bể nước 1,47m³; Đất bồi nền 60,17m³ với tổng giá trị là 103.972.960đ (Một trăm lẻ ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng) nằm trên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 10 (BĐDC xã Nga Thạch) do ông Mã Văn L đang quản lý, sử dụng.

Anh Mã Văn T có nghĩa vụ thanh toán lại tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho chị Mã Thị C là 51.986.000đ (Năm mươi một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Mã Thị C về yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 70.000.000đ và diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.140m².

5. Giành quyền khởi kiện dân sự cho anh Mã Văn T và ông Mã Văn L bằng vụ án khác khi có yêu cầu và căn cứ chứng minh.

6. Về án phí: Chị Mã Thị C phải chịu án phí DSST về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí về chia tài sản là 2.599.000đ (Hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng là 2.899.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 2.800.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0005007 ngày 26/02/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị C còn phải nộp là 99.000đ (chín mươi chín nghìn đồng).

Anh Mã Văn T phải chịu án phí DSST về chia tài sản là 2.599.000đ (Hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm. Chị Mã Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mã Văn T và ông Mã Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Tuyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mai Đăng Ninh

Phan Quốc Văn

Tạ Văn Tuyên

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án T;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Yến Dương Thị Thắm

Lê Thị Huệ

